

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường.
2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 01, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đình Q, sinh năm 1950; địa chỉ: 51A đường V, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo văn bản ủy quyền ngày 15-3-2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Châu Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: 126 đường H, tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2018 và bản khai đề ngày 22-3-2018, nguyên đơn là ông Nguyễn T trình bày:

Do có quan hệ quen biết với bà Châu Thị T và ông có nguyện vọng được nâng cấp Giấy phép lái xe hạng B2 lên hạng C nên bà T có hứa giúp ông trong

việc nộp hồ sơ và nộp các khoản chi phí để ông nâng bằng lái xe và ông đồng ý nhờ sự giúp đỡ của bà T. Ông đã đưa cho bà T nhiều lần với tổng số tiền là 11.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 04-5-2016, ông đưa bà T 2.000.000 đồng.

Ngày 10-5-2016, ông đưa bà T 3.000.000 đồng.

Ngày 03-11-2016, ông đưa bà T 6.000.000 đồng.

Bà T hẹn ông hết thời hạn này đến thời hạn khác nhưng ông vẫn chưa có lớp đi thi nâng bằng, mặc dù ông đã nhiều lần đôn đốc, liên hệ hỏi thúc bà T. Sau đó qua tìm hiểu, ông biết được có nhiều lớp đi thi nâng bằng nhưng bà T không liên hệ và không nộp hồ sơ giúp ông như đã hứa mà cố tình lừa gạt, chiếm đoạt của ông 11.000.000 đồng.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị T phải trả lại cho ông số tiền đã nhận là 11.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 04-11-2016 đến ngày 04-3-2018.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Đình Q trình bày: Trong quá trình lưu trữ giấy tờ, ông Nguyễn T đã làm mất bản chính của giấy nhận tiền ngày 10-5-2016. Vì vậy, ông Lê Đình Q thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị T phải trả lại cho ông Nguyễn T số tiền đã nhận là 8.000.000 đồng theo 2 giấy nhận tiền ngày 04-5-2016 và ngày 03-11-2016; đồng thời không yêu cầu bà Châu Thị T phải trả lãi cho ông Nguyễn T.

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Châu Thị T. Tuy nhiên, bà Châu Thị T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà Châu Thị T không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, buộc bà Châu Thị T phải trả cho ông Nguyễn T 8.000.000 đồng, bà Châu Thị T phải chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu bà Châu Thị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Châu Thị T có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là bà Châu Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà Châu Thị T tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Châu Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 04-5-2016, bà Châu Thị T nhận của ông Nguyễn T 2.000.000 đồng để nộp hồ sơ nâng cấp Giấy phép lái xe từ hạng B2 lên hạng C.

Ngày 10-5-2016, bà Châu Thị T nhận của ông Nguyễn T 3.000.000 đồng.

Ngày 03-11-2016, bà Châu Thị T nhận của ông Nguyễn T 6.000.000 đồng để nộp hồ sơ lái xe hạng C.

Tổng cộng, bà Châu Thị T nhận của ông Nguyễn T 11.000.000 đồng.

Ông Nguyễn T trình bày: Sau khi bà Châu Thị T nhận của ông 11.000.000 đồng, bà Châu Thị T hẹn ông hết thời hạn này đến thời hạn khác nhưng ông vẫn chưa có lớp để thi nâng bằng lái xe. Vì bà Châu Thị T vi phạm cam kết nên ông yêu cầu bà Châu Thị T trả lại cho ông 11.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lê Đình Q trình bày: Trong quá trình lưu trữ giấy tờ, ông Nguyễn T đã làm mất bản chính của giấy nhận tiền ngày 10-5-2016. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị T phải trả lại cho ông Nguyễn T số tiền đã nhận là 8.000.000 đồng theo 2 giấy nhận tiền ngày 04-5-2016 và ngày 03-11-2016; đồng thời không yêu cầu bà Châu Thị T phải trả tiền lãi cho ông Nguyễn T.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn T cung cấp cho Tòa án bản chính của giấy nhận tiền ngày 04-5-2016 và giấy nhận tiền ngày 03-11-2016 với tổng số tiền mà bà Châu Thị T đã nhận của ông Nguyễn T 8.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Châu Thị T, tuy nhiên bà Châu Thị T không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Vì vậy, đủ cơ sở để nhận định rằng: Do bà Châu Thị T vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T là có căn cứ. Hội đồng xét xử sẽ xử buộc bà Châu Thị T phải trả cho ông Nguyễn T 8.000.000 đồng.

Do ông Nguyễn T không yêu cầu bà Châu Thị T phải trả lãi của số nợ gốc nêu trên, nên Hội đồng xét xử không giải quyết và không đề cập trong phần quyết định của bản án.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Châu Thị T phải chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274 và Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Buộc bà Châu Thị T phải trả cho ông Nguyễn T 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Châu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng.

Ông Nguyễn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn T 308.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003305 ngày 13-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bà Châu Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nên bà Châu Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền